KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	18,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.3%	1.1%	-4.6%

DT thuần — *2024*: 165 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 28.0 ▼ 14.8%

LN gộp — *2024*: 52.8 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 11.5 ▼ 17.8%

LN thuần — *2024*: 21.5 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 8.70 ▼ 28.7%

LN sau thuế — *2024*: 16.6 *tỷ VNĐ*; YoY ▼ 7.00 ▼ 30.0%

ROE — 2024: 14.0%; +/- YoY ▼ 6.2%

ROA — 2024: 10.1%; +/- YoY ▼ 3.2%

Lịch sử giá

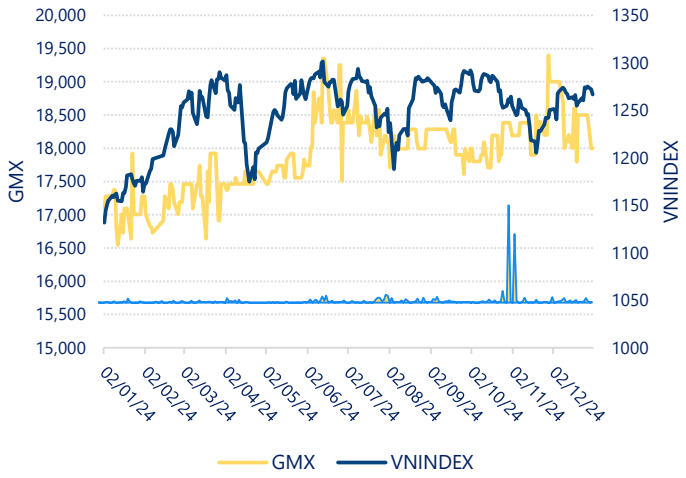

Kết quả kinh doanh

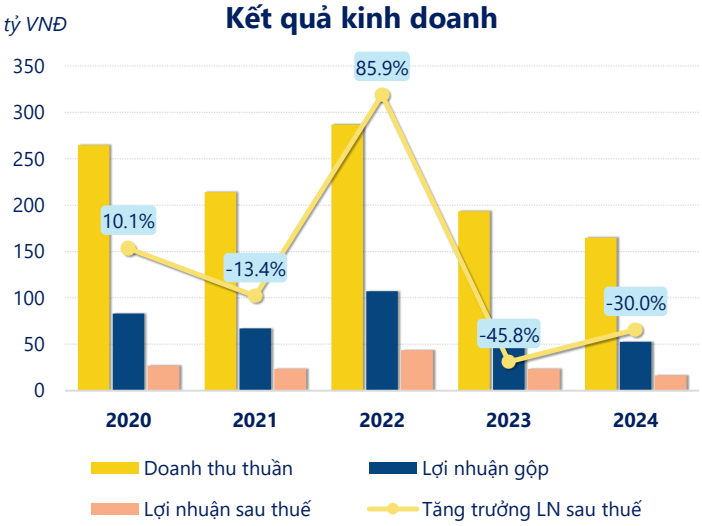

Kết quả kinh doanh **GMX** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 14.8%** chỉ còn **164.8** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 30.0%** chỉ còn **16.56** tỷ đồng.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **14.0%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

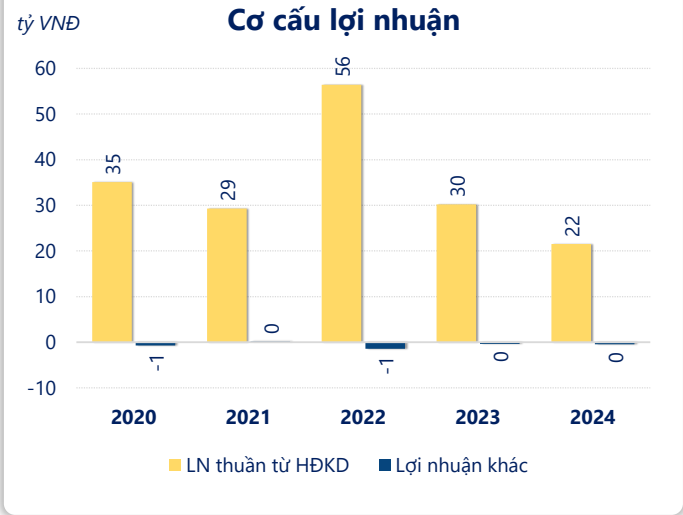

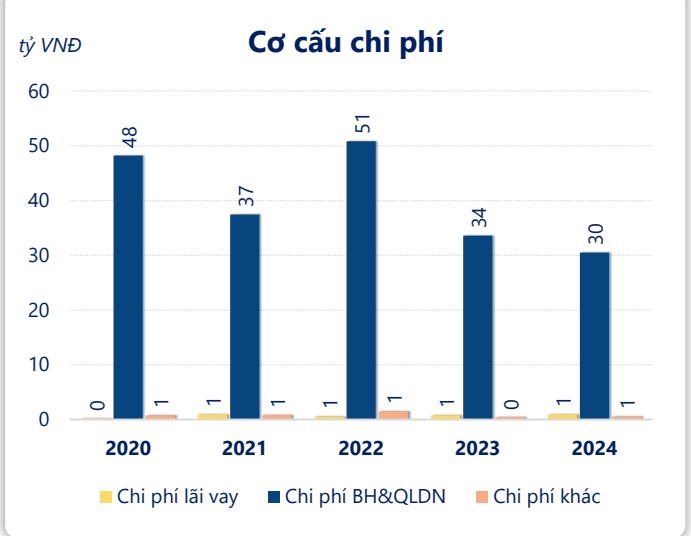

Năm **2024**, **GMX** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **21.52** tỷ đồng, **giảm đi 8.67** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (34.50 tỷ đồng) là 12.97 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.93** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **30.50** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.53** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của GMX năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **14.0%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

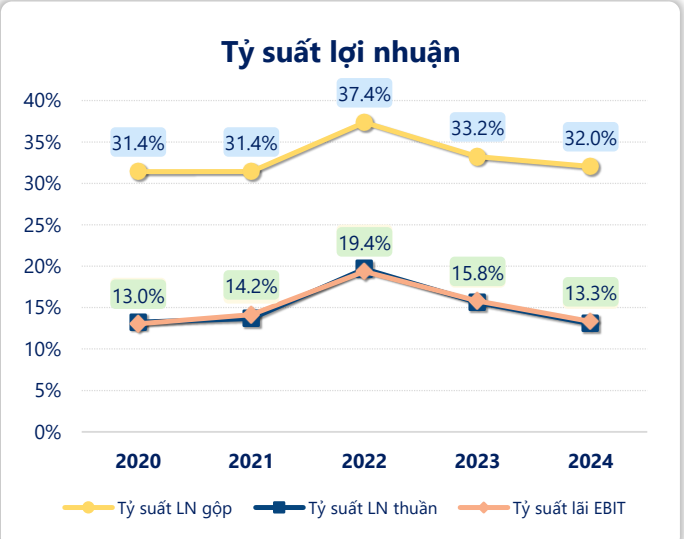

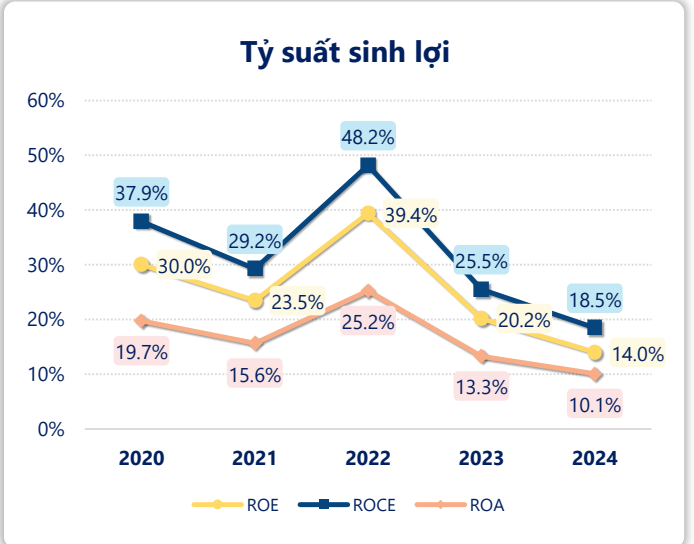

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**265**	**214**	**287**	**193**	**165**
Giá vốn hàng bán	182	147	180	129	112
Lợi nhuận gộp	**83.2**	**67.2**	**107**	**64.3**	**52.8**
Doanh thu HĐTC	0.29	0.38	0.58	0.23	0.12
Chi phí TC	0.21	0.90	0.53	0.75	0.93
Chi phí lãi vay	**0.21**	**0.90**	**0.53**	**0.75**	**0.93**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	34.0	25.4	32.7	19.6	16.9
Chi phí QLDN	14.2	12.0	18.1	14.0	13.6
LN thuần từ HĐKD	**35.1**	**29.3**	**56.4**	**30.2**	**21.5**
Lợi nhuận khác	-0.74	0.11	-1.42	-0.39	-0.47
LN trước thuế	**34.3**	**29.4**	**55.0**	**29.8**	**21.0**
Lợi nhuận sau thuế	**27.1**	**23.4**	**43.6**	**23.6**	**16.6**
LNST của CĐ cty mẹ	**27.1**	**23.4**	**43.6**	**23.6**	**16.6**

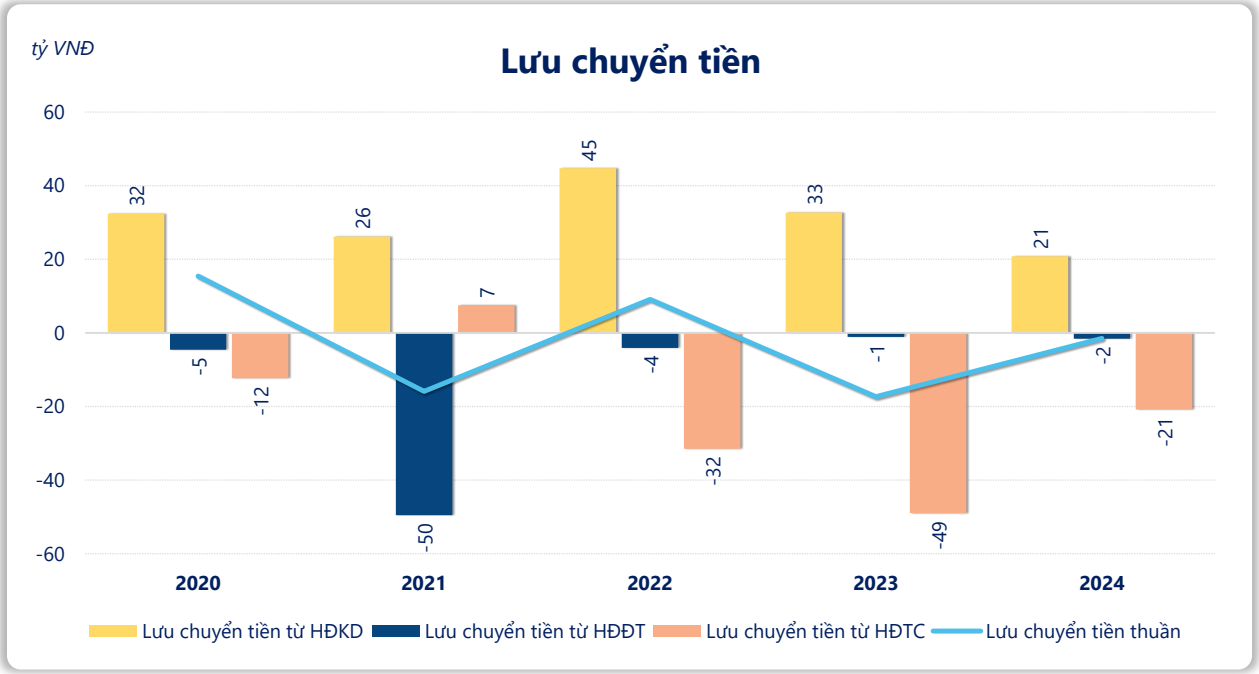

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của GMX bằng **-1.52** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-17.32 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **20.83** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1.57** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-20.79** tỷ đồng.